

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/7/2022

“V/v Hủy kết hôn trái pháp luật, tranh
chấp nuôi con, tiền cấp dưỡng nuôi con
chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY GIANG TỈNH QUẢNG NAM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tâm Hiếu
2. Bà Bríu Thị Nem

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông CLâu Thìn - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tây Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Giang: Bà ALăng Thị Tơ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam xét xử công khai vụ án thụ lý số 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc “Hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp nuôi con, tiền cấp dưỡng nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Anh ALăng M, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Nam. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Chị Bling Thị T, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Nam. *Có mặt.*

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: thôn A, xã Ax, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Poloong A - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã Ax. (*Vắng mặt có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn khởi kiện ghi ngày 16/5/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh ALăng M trình bày:*

Anh ALăng M và chị Bling Thị T đến với nhau là hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn vào ngày 21/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Ax, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi

vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh M yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh M và chị T, vì tại thời điểm đăng ký kết hôn với chị T vào ngày 21/4/2016 anh M chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh M và chị T có 01 người con chung tên là ALăng Hải N, sinh ngày 15/8/2015. Anh M xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Anh M yêu cầu chị B Ling Thị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cháu N một tháng là 200.000 đồng cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh M và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh M trình bày không có

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị B Ling Thị T trình bày:*

Điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa chị B Ling Thị T với anh ALăng M đúng như anh M đã trình bày, chị đồng ý với yêu cầu của anh M về yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị với anh M vì mâu thuẫn quá trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn và níu kéo được.

Về con chung: Chị T và anh M có một người con chung là cháu ALăng Hải N, sinh ngày 15/8/2015. Chị T đồng ý giao cho anh M nuôi dưỡng và chăm sóc cháu N.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B Ling Thị T nhất trí với yêu cầu của anh M là chị cấp dưỡng tiền nuôi con chung cháu N một tháng là 200.000 đồng cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị T và anh M tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T trình bày không có.

** Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Ax, huyện T là ông Pơ Loong A trình bày:*

Ngày 21/4/2016 UBND xã Ax đăng ký kết hôn cho vợ chồng anh ALăng M, sinh ngày 27/12/1996 và chị B Ling Thị T, sinh ngày 10/11/1997. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh ALăng M mới 19 tuổi 03 tháng 21 ngày là chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, việc UBND xã Ax thực hiện đăng ký kết hôn cho anh M, chị T và cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho anh M, chị T là chưa đúng theo quy định của pháp luật, nguyên nhân do sai sót của cán bộ chuyên môn. UBND xã Ax xin nhận sai sót nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh M và chị T.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội

thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 8, 11, 12, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 1 khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh ALăng M và chị BLing Thị T.

Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh ALăng M và chị BLing Thị T về việc nuôi con, tiền cấp dưỡng nuôi con. Giao con chung ALăng Hải N, sinh ngày 15/8/2015 cho anh ALăng M trực tiếp nuôi dưỡng; chị BLing Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung một tháng là 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/8/2022.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh ALăng M và chị BLing Thị T là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp toàn bộ tiền án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn nộp toàn bộ tiền án phí cho anh M, chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn, bị đơn đều xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết, nguyên đơn, bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Tây Giang thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và giải quyết ba mối quan hệ: Hủy hôn nhân trái pháp luật, con chung, tiền cấp dưỡng nuôi con chung là đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã Ax có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Tây Giang xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu của anh M đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật với chị T: Xét thấy anh M, chị T kết hôn ngày 21/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Ax, huyện T trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên tại thời điểm kết hôn anh M mới đủ 19 tuổi 03 tháng 21 ngày. Chưa đủ điều kiện kết hôn là vi phạm Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 4 Thông tư Liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao -Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và

gia đình, Hội đồng xét xử hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh ALăng M và chị BLing Thị T.

[3] Về con chung: Anh M và chị T có 01 người con chung là cháu ALăng Hải N, sinh ngày 15/8/2015, tại phiên hòa giải ngày 24/6/2022 anh M có nguyện vọng được nuôi cháu N và yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung một tháng là 200.000 đồng cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi, chị T hoàn toàn đồng ý với yêu cầu của anh M, các bên đương sự đều yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự về người trực tiếp nuôi con, tiền cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh M và chị T. Giao cháu N cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng; chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 200.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/8/2022. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên là hoàn toàn phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh ALăng M và chị BLing Thị T là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp toàn bộ tiền án phí; Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên anh M, chị T được xét miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, Điều 35, 39, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, 11, 12; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh ALăng M và chị BLing Thị T, hai bên phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh ALăng M và chị BLing Thị T về việc nuôi con.

Giao con chung ALăng Hải N, sinh ngày 15/8/2015 cho anh ALăng M trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh ALăng M và chị BLing Thị T về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: chị BLing Thị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cháu ALăng Hải N mỗi tháng là 200.000 (*Hai trăm nghìn đồng*) cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 01/8/2022. Chị BLing Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: ALăng M và chị BLing Thị T được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 12/7/2022), Ủy ban nhân dân xã Ax, huyện T, tỉnh Quảng Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Tây Giang;
- Chi cục THADS huyện Tây Giang;
- UBND xã Ax;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hân